

Số: ~~44~~ 38/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày ~~26~~ tháng ~~12~~ năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án huy động vốn xã hội hóa để đầu tư
kết cấu hạ tầng lĩnh vực hàng hải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 tháng 2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao và Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam tại văn bản số 5375/CHHVN-KHĐT ngày 17 tháng 12 năm 2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng - Trưởng ban Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án huy động vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng lĩnh vực hàng hải với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm và mục tiêu

1.1. Quan điểm và mục tiêu tổng quát

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hàng hải phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

- Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hàng hải nhằm giảm áp lực về nguồn vốn nhà nước;

- Tạo môi trường đầu tư bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh và hiệu quả, đồng thời đảm bảo lợi ích hài hòa của nhà nước và nhà đầu tư;

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật về huy động vốn xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng hàng hải.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về huy động vốn ngoài ngân sách

+ Giai đoạn 2015 ÷ 2020: Đạt khoảng 43% (tương ứng khoảng 43.000 tỷ đồng) tổng nhu cầu vốn đầu tư;

(Danh mục các dự án dự kiến xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng hàng hải đến năm 2020 tại Phụ lục 01 của Quyết định).

+ Giai đoạn sau năm 2020: Dự kiến đạt khoảng 80% tổng nhu cầu vốn đầu tư.

- Về sửa đổi, bổ sung, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng hàng hải: Cơ bản hoàn thành trong năm 2015.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Về thể chế, chính sách

- Xây dựng Thông tư trình Bộ Tài chính ban hành thay thế Quyết định số 98/2008/QĐ-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải;

- Xây dựng Thông tư trình Bộ Tài chính ban hành thay thế Quyết định số 65/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mức trích nộp phí bảo đảm hàng hải đối với luồng hàng hải do doanh nghiệp đầu tư, khai thác;

- Sửa đổi Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải;

- Ban hành Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn trình tự, thủ tục, trách nhiệm các cơ quan liên quan và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Hợp đồng dự án mẫu cho các dự án PPP lĩnh vực hàng hải;

- Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chính sách ưu đãi cho lĩnh vực hàng hải;

- Phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Thông tư hướng dẫn kịp thời khi Nghị định về đầu tư PPP được Chính phủ ban hành;

- Tăng cường rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc huy động vốn xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng hàng hải.

(Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật dự kiến ban hành tại Phụ lục 02 của Quyết định).

2.2. Giải pháp về đầu tư và hoàn vốn

a) Đối với kết cấu hạ tầng cảng biển

- Đối với cảng biển đầu mối khu vực, cảng biển tổng hợp quốc gia (loại I): Nhà đầu tư đầu tư và được thu phí, giá dịch vụ khai thác cảng theo quy định để hoàn vốn. Nhà nước chỉ đầu tư các hạng mục quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh hoặc các hạng mục kết cấu hạ tầng công cộng không có nhà đầu tư tham gia xã hội hóa;

- Đối với cảng biển địa phương (loại II, III), chuyên dùng: Nhà đầu tư thực hiện đầu tư và được thu phí, giá dịch vụ khai thác cảng theo quy định để hoàn vốn;

- Nâng cao năng lực khai thác các cầu, bến cảng đang khai thác đã đủ công suất; có khuyến cáo, định hướng cụ thể cho nhà đầu tư trước khi ra quyết định đầu tư.

b) Đối với luồng hàng hải

- Luồng hàng hải công cộng: Khuyến khích nhà đầu tư thực hiện nạo vét, duy tu kết hợp tận thu sản phẩm bù chi phí nạo vét hoặc kết hợp thu phí theo quy định để hoàn vốn;

- Luồng hàng hải chuyên dùng: Nhà đầu tư tự đầu tư và quản lý, khai thác theo quy định.

c) Đối với hệ thống hỗ trợ hành hải (VTS), khu neo đậu tránh, trú bão: Nhà đầu tư tự đầu tư và được thu phí theo quy định để hoàn vốn.

d) Phương thức thu phí, giá dịch vụ hoàn vốn đầu tư

- Phí, giá dịch vụ khai thác cảng: nhà đầu tư tự thu hoặc thông qua ủy quyền cho cảng vụ hàng hải khu vực theo quy định;

- Các giải pháp khác theo quy định pháp luật.

đ) Nhà nước hỗ trợ (chính sách, biện pháp...) trong trường hợp không hoàn được vốn đầu tư nhằm đảm bảo hiệu quả tài chính đối với dự án;

e) Các hình thức hoàn vốn đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Công tác quản lý nhà nước và quy hoạch

- Tổ chức lập đề xuất, danh mục dự án để kêu gọi đầu tư (các dự án tại Phụ lục 01 của Quyết định) và các dự án phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có);
- Rà soát, cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư trong quá trình tham gia đầu tư;
- Bổ sung quy hoạch hạ tầng giao thông kết nối giữa cảng với các phương thức vận tải khác (đường bộ, đường sắt...).

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư chủ trì theo dõi việc triển khai thực hiện Đề án.

3.2. Cục Hàng hải Việt Nam, các Vụ, Cục liên quan tổ chức thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3.3. Trong quá trình thực hiện, ngoài việc tuân thủ Quyết định này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện theo các quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xử lý kịp thời.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục QLXD&CLCTGT và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Xây dựng;
- Các Thứ trưởng;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, ĐTCT (05 bản).



Đinh La Thắng

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Quyết định số **4438/QĐ-BGTVT** ngày **26/12/2014** của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
	TỔNG SỐ					45.493.900	43.683.110	
	Luồng hàng hải					10.336.000	8.600.400	
1	Đầu tư luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2)	2015-2018	Phục vụ cỡ tàu 20.000 DWT ra, vào các cảng trên sông Hậu qua kênh Tắt - Trà Vinh	Trà Vinh	- Luồng cho tàu trọng tải 10.000 DWT đẩy tải, 20.000 DWT giảm tải; - Cao trình đáy: -6,5m (hệ Hải đồ).	3.200.000	2.700.000	PPP
2	Đầu tư nạo vét luồng cửa Bồ Đề	2016-2020	- Phục vụ khai thác trực tiếp cảng Năm Căn, Nhà máy sửa chữa tàu biển Vinalines Cà Mau. - Phục vụ xuất nhập nguyên liệu, sản phẩm Nhà máy đạm Cà Mau; - Phục vụ phát triển tỉnh Cà Mau.	Huyện Năm Căn, Ngọc Hiển - tỉnh Cà Mau	- Chiều rộng luồng: B = 90 m; - Cao trình đáy: -5,4 m (hệ Hải đồ); - Khối lượng nạo vét: 1,35 triệu m ³ .	284.000	284.000	PPP
3	Đầu tư nạo vét luồng cửa Định An	2016-2017	Phục vụ cho tàu 5.000 - 10.000 DWT vào các cảng trên sông Hậu.	Tỉnh Trà Vinh	- Cao trình đáy: -3,5-4 m (hệ Hải đồ)	680.000	340.000	PPP
4	Đầu tư nạo vét luồng cửa Tiểu - sông Tiền	2017-2018	Phục vụ cho tàu 5.000 - 10.000 DWT vào các cảng trên sông Tiền.	Tỉnh Đồng Tháp, Bến Tre	- Cao trình đáy: -3,5-4 m (hệ Hải đồ)	450.000	225.000	PPP
5	Đầu tư nâng cấp luồng vào Cảng Hòn La cho tàu đến 20.000 DWT đẩy tải	2015-2017	Cải tạo, nâng cấp luồng vào Cảng Hòn La đáp ứng nhu cầu lưu thông của tàu trọng tải 15.000 DWT đẩy tải và các tàu có trọng tải lớn hơn giảm tải, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Bình.	Tuyến luồng vào Cảng Hòn La, tỉnh Quảng Bình	- Chiều rộng luồng: 100 m; - Cao trình đáy: -9 m (hệ Hải đồ); - Vòng quay tàu đường kính 265 m.	41.000	36.900	PPP

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
6	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng kênh Hà Nam	2017-2018	Cải tạo, nâng cấp đoạn luồng qua kênh Hà Nam đáp ứng nhu cầu về hàng hóa, vận tải ngày càng tăng, đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải tại khu vực, giảm chi phí chờ đợi làm hàng. Tăng năng suất khai thác cảng tại khu vực.	Tuyến luồng kênh Hà Nam, Hải Phòng	- Luồng hai chiều cho tàu trọng tải 10.000 DWT đầy tải, 20.000 DWT giảm tải; - Cao trình đáy: -7 m (hệ Hải đồ); chiều rộng 170 m.	755.000	679.500	PPP
7	Đầu tư, cải tạo nâng cấp tuyến luồng Nghi Sơn cho tàu đến 50.000 DWT đầy tải	2018-2020	Cải tạo, nâng cấp luồng vào Cảng Nghi Sơn đáp ứng nhu cầu lưu thông của tàu trọng tải 50.000 DWT đầy tải và các tàu có trọng tải lớn hơn giảm tải, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của tỉnh Thanh Hóa.	Tuyến luồng Nghi Sơn, Thanh Hóa	- Cao trình đáy: -13 m (hệ Hải đồ).	300.000	255.000	PPP
8	Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến luồng Hải Phòng cho tàu đến 20.000 DWT đầy tải	2018-2020	Cải tạo, nâng cấp luồng vào Cảng Hải Phòng đáp ứng nhu cầu lưu thông của tàu trọng tải 20.000 DWT đầy tải và các tàu có trọng tải lớn hơn giảm tải, tăng năng suất khai thác các cảng tại khu vực	Tuyến luồng Hải Phòng	- Cao trình đáy: -9 m (hệ Hải đồ).	1.000.000	850.000	PPP
9	Đầu tư xây dựng tuyến luồng Thọ Quang cho tàu đến 10.000 DWT	2015-2016	Đầu tư luồng vào Thọ Quang đáp ứng nhu cầu lưu thông của tàu trọng tải 10.000 DWT đầy tải và các tàu có trọng tải lớn hơn giảm tải	Tuyến luồng Thọ Quang, Đà Nẵng	- Luồng cho tàu trọng tải 10.000 DWT đầy tải, lớn hơn 10.000 DWT giảm tải; - Cao trình đáy: -7 m (hệ Hải đồ).	126.000	80.000	PPP
10	Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải cho tàu trên 100.000 DWT	2018-2020	Phục vụ cho các cỡ tàu từ 30.000-100.000 DWT vào các cảng trên sông Thị Vải, Cái Mép.	Khu vực Cái Mép - Thị Vải, Vũng Tàu	- Cao trình đáy: -10,4 đến -15,5 m (hệ Hải đồ); - Khối lượng nạo vét: 27 triệu m3.	3.500.000	3.150.000	PPP

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
	Cảng biển, bến cảng					33.864.000	33.864.000	
11	Đầu tư xây dựng khu bến tổng hợp và chuyên dùng Sơn Trà (thuộc cảng Đà Nẵng)	2018-2020	Phục vụ di dời khu bến tổng hợp và chuyên dùng Sông Hàn	Sơn Trà, Đà Nẵng	- 3 bến tổng hợp và chuyên dùng, tổng chiều dài 465 m cho cỡ tàu 5.000-10.000 DWT, công suất 2 triệu tấn/năm; - Diện tích bãi: 19 ha.	500.000	500.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
12	Đầu tư xây dựng bến số 2 Chân Mây (thuộc cảng Thừa Thiên Huế)	2016-2017	Đáp ứng nhu cầu bốc xếp container, hàng tổng hợp và tàu khách, phục vụ phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế	Chân Mây, Thừa Thiên Huế	- Kéo dài bến 1 thêm 220 m cho cỡ tàu 30.000-50.000 DWT; cùng với bến 1 có tổng công suất 2,8-3 triệu tấn/năm, diện tích bãi 12 ha.	350.000	350.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
13	Đầu tư xây dựng bến số 3 Dung Quất (Quảng Ngãi)	2017-2020	Đáp ứng nhu cầu bốc xếp hàng tổng hợp, chuyên dùng, phục vụ phát triển tỉnh Quảng Nam	Dung Quất, Quảng Nam	- Kéo dài bến 1 thêm 290 m cho cỡ tàu 50.000 DWT; cùng với bến 1, 2 có tổng công suất 3-4 triệu tấn/năm, diện tích bãi 25 ha.	450.000	450.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
14	Đầu tư xây dựng khu bến cảng Mỹ Thủy (Quảng Trị)	2018-2020	Bến chuyên dùng có bến tổng hợp địa phương, phục vụ trực tiếp khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, khu công nghiệp và tiếp chuyển hàng quá cảnh cho Lào, Đông Bắc Thái Lan	Đông Nam Quảng Trị	- Đầu tư xây dựng cảng đảo cho cỡ tàu đến 50.000 DWT; có công suất 4 triệu tấn/năm; - Đầu tư xây dựng tuyến luồng dạng kênh biển rộng 150 m, cao độ đáy luồng -14,5 m (HĐ); - Chiều dài tuyến vào đến khu bến cảng dài khoảng 2,5 km.	1.100.000	1.100.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
15	Đầu tư xây dựng bến container trung chuyển quốc tế Vân Phong (Giai đoạn khởi động)	2019-2020	Bến chuyên dùng container trung chuyển quốc tế đầu mối đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam và trung chuyển hàng hóa vận chuyển bằng container quốc tế.	Vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa	- 2 bến container chuyên dùng, tổng chiều dài 850 m cho cỡ tàu 12.000TEU, công suất 0,9-1,05 triệu TEU/năm; - Diện tích bãi: 50 ha.	1.900.000	1.900.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
16	Đầu tư xây dựng khu bến tổng hợp và chuyên dùng Kê Gà (Giai đoạn I)	2018-2020	Bến tổng hợp và chuyên dụng phục vụ công nghiệp nhôm (aluminum, bauxite) kết hợp phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng và một phần các tỉnh Đông Nam Bộ. Trong tương lai kết hợp đón khách du lịch đường biển.	Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	- 04 bến tổng hợp và chuyên dùng cho tàu 2-8 vạn DWT; - Công suất: 6,2 triệu Tấn/năm; - Diện tích bãi: 50ha; - Hệ thống đê chắn sóng.	5.100.000	5.100.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
17	Đầu tư xây dựng khu bến Lấp Vò trên sông Hậu (Cảng Đồng Tháp)	2018-2020	Khu bến tổng hợp chính của cảng địa phương Đồng Tháp phục vụ trực tiếp cho khu công nghiệp Lấp Vò – Vàm Cống và là cửa ngõ chính thông với biển khơi của tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	- Xây dựng mới 2 bến, tổng chiều dài 250m; - Tàu trọng tải 10.000DWT hoặc tương đương; - Công suất: 0,5-0,8 triệu tấn/năm; - Diện tích bãi: 11,6 ha.	600.000	600.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
18	Đầu tư xây dựng khu bến Minh Phú – cảng Hậu Giang	2018-2020	Khu bến tổng hợp, chuyên dùng chính của cảng địa phương, phục vụ phát triển tỉnh Hậu Giang.	Tỉnh Hậu Giang	- Xây dựng mới 2 bến, tổng chiều dài 408m; - Tàu trọng tải 20.000DWT hoặc tương đương; - Công suất: 0,8-1 triệu tấn/năm; - Diện tích bãi: 22 ha.	750.000	750.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
19	Đầu tư xây dựng khu bến Trà Cú – cảng Trà Vinh	2018-2020	Khu bến tổng hợp, chuyên dùng của cảng địa phương, phục vụ phát triển tỉnh Trà Vinh.	Huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	- Xây dựng mới 1 bến, tổng chiều dài 180m; - Tàu trọng tải 20.000DWT hoặc tương đương; - Công suất: 0,3-0,5 triệu tấn/năm; - Diện tích bãi: 16,8 ha.	500.000	500.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
20	Đầu tư xây dựng khu bến Đại Ngãi – cảng Sóc Trăng	2018-2020	Khu bến tổng hợp, container chính của cảng địa phương, phục vụ phát triển tỉnh Sóc Trăng, phục vụ quá trình xây dựng, vận hành hoạt động của trung tâm nhiệt điện Long Phú.	Huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	- Xây dựng mới 1 bến, tổng chiều dài 180m; - Tàu trọng tải 20.000 DWT hoặc tương đương; - Công suất: 0,8-1 triệu tấn/năm; - Diện tích bãi: 12,5 ha.	510.000	510.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
21	Đầu tư xây dựng khu bến Gành Hào – cảng Bạc Liêu	2018-2020	Khu bến tổng hợp, chuyên dùng chính của địa phương, phục vụ trực tiếp cho Khu kinh tế Gành Hào, cửa ngõ ra biển của Bạc Liêu.	Huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	- Xây dựng mới 1 bến, tổng chiều dài 130m; - Tàu trọng tải 5.000DWT hoặc tương đương; - Công suất: 0,3-0,5 triệu tấn/năm; - Diện tích bãi: 13 ha.	350.000	350.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
22	Đầu tư xây dựng bến khách Dương Đông – Phú Quốc	2015-2016	Xây dựng bến cảng hành khách quốc tế đa chức năng, kết hợp giữa đón trả khách du lịch và tiếp nhận hàng hóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng.	Xã Dương Đông, Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	- Xây dựng mới 1 bến, chiều dài 400m; - Tàu khách 225.282 GRT hoặc tương đương. - Diện tích bãi: 13,7 ha.	354.000	354.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
23	Đầu tư xây dựng Bến trung chuyển than cho nhiệt điện khu vực Đông ĐBSCL	2019-2020	Xây dựng bến chuyên dùng, đầu mối tiếp chuyển ở cửa sông Hậu, nhập than cho nhà máy ở Duyên Hải - Trà Vinh, Long Phú-Sóc Trăng, Châu Thành - Hậu Giang, kho dự phòng ở Kim Sơn - Trà Vinh	Khu bến nhiệt điện Duyên Hải - Trà Vinh	- Cờ tàu đến 200.000 DWT tại đầu mối; đến 10.000 DWT tại nhà máy; - Công suất: 20-28 triệu tấn/năm.	2.500.000	2.500.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
24	Đầu tư xây dựng bến 8,9 - Cảng Cái Lân	2016-2020	Xây dựng bến tổng hợp hoặc Container	Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh	- Cờ tàu đến 20.000DWT đến 50.000DWT (3.000+ 4.000 TEU); - Công suất 4.95+6.0 triệu tấn/năm, chiều dài 460m, diện tích 20 ha	1.400.000	1.400.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
25	Đầu tư xây dựng các bến cảng - Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Lạch Huyện	2016-2020	Xây dựng bến tổng hợp, Container	Lạch Huyện, T.p Hải Phòng	- Cờ tàu đến 50.000DWT đến 100.000DWT (3.000+ 4.000 TEU); - Công suất 28.2+34.8 T, chiều dài 2,625m; - Diện tích 143 ha	10.000.000	10.000.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
26	Đầu tư xây dựng bến 5, 6 cảng Cửa Lò	2015-2018	Xây dựng bến tổng hợp. Container	Khu vực Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	- Cờ tàu đến 20.000 DWT đến 50.000 DWT; - Chiều dài 420 m, diện tích 26 ha.	1.000.000	1.000.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
27	Đầu tư xây dựng bến 3, 4, 5 cảng Vũng Áng	2015-2020	Xây dựng bến tổng hợp	Khu vực Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	Cờ tàu 50.000DWT Công suất 3.0+4.0 triệu T. Chiều dài 750m, diện tích 15,2 ha	1.500.000	1.500.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
28	Đầu tư xây dựng cảng Tiên Sa - Đà Nẵng - Giai đoạn 2	2015-2018	Xây dựng bến trung chuyển quốc tế	Khu Tiên Sa, Đà Nẵng	- Cờ tàu đến 50.000DWT, tàu khách 100,00 GRT; - Công suất 5.0÷5.5 triệu T, chiều dài 1,110m, diện tích 26 ha	2.000.000	2.000.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
29	Đầu tư xây dựng cảng Văn Phong - Khánh Hòa, giai đoạn 2 bến khởi động	2015-2020	Xây dựng bến tổng hợp, Container, khách	Vịnh Văn Phong, tỉnh Khánh Hòa	- Cờ tàu 12,000 T, - Công suất 0,9÷1.05 triệu; - Chiều dài 850 m, diện tích 50 ha	3.000.000	3.000.000	Đầu tư trực tiếp và các hình thức khác
	Hệ thống hàng hải điện tử					542.000	542.000	
30	Hệ thống hàng hải điện tử (AIS, VTS) trên tuyến luồng cho tàu biển vào sông Hậu	2016-2017	Phục vụ theo dõi tàu thuyền. Phục vụ khai thác luồng đạt hiệu quả cao và đảm bảo các tàu hành hải trên luồng an toàn, tránh ô nhiễm.	Huyện Duyên Hải - tỉnh Trà Vinh	Tuyến luồng dài 46,5 km. Hệ thống bao gồm Phao khí tượng thủy văn, Trạm Quan sát mặt đất, Trạm tiếp âm, Trung tâm VTM.	142.000	142.000	PPP
31	Hệ thống hàng hải điện tử trên tuyến luồng Quảng Ninh	2016-2017	Phục vụ theo dõi tàu thuyền. Phục vụ khai thác luồng đạt hiệu quả cao và đảm bảo các tàu hành hải trên luồng an toàn, tránh ô nhiễm.	Tỉnh Quảng Ninh	- Tuyến luồng dài 107 km.	328.000	328.000	PPP
32	Hệ thống hàng hải điện tử trên tuyến luồng Đà Nẵng	2017-2018	Phục vụ theo dõi tàu thuyền. Phục vụ khai thác luồng đạt hiệu quả cao và đảm bảo các tàu hành hải trên luồng an toàn	Tp. Đà Nẵng	- Tuyến luồng dài 23,5 km (bao gồm cả luồng nhánh)	72.000	72.000	PPP
	Công trình neo đậu tránh, trú bão					751.900	676.710	
33	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực sông Gianh (Quảng Bình)	2016-2017	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh, trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Sông Gianh, tỉnh Quảng Bình	Xây dựng 18 điểm neo cho tàu có trọng tải 2.000 DWT. Tổng diện tích: 120 ha.	35.000	31.500	PPP

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
34	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực Cửa Hội (Nghệ An)	2016-2017	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh, trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Cửa Hội, tỉnh Nghệ An	Xây dựng 10 điểm neo cho tàu có trọng tải 3.000 DWT. Tổng diện tích: 100 ha.	30.000	27.000	PPP
35	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực sông Chanh, Lạch Huyện (Hải Phòng)	2016-2017	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh, trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Lạch Huyện, Tp. Hải Phòng	Xây dựng 6 điểm neo cho tàu có trọng tải 3.000DWT. Tổng diện tích: 120 ha.	35.000	31.500	PPP
36	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực vịnh Ô Lợn, Hòn Soi Mui (Quảng Ninh)	2016-2017	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh, trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Vịnh Ô Lợn, Hòn Soi Mui (Quảng Ninh)	Xây dựng 15 điểm neo cho tàu có trọng tải 5.000 DWT. Tổng diện tích: 1.314 ha.	394.200	354.780	PPP
37	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực Lệ Môn (Thanh Hóa)	2016-2017	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh, trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Lệ Môn, Thanh Hóa	Xây dựng 5 điểm neo cho tàu có trọng tải 1.000 DWT. Tổng diện tích: 70 ha.	21.000	18.900	PPP
38	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực Cửa Khẩu (Hà Tĩnh)	2016-2017	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh, trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Cửa Khẩu, Hà Tĩnh	Xây dựng 4 điểm neo cho tàu có trọng tải 1.000 DWT. Tổng diện tích: 258 ha.	77.400	69.660	PPP
39	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực Cửa Việt, Quảng Trị	2016-2017	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh, trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Cửa Việt, Quảng Trị	Xây dựng 4 điểm neo cho tàu có trọng tải 2.000 DWT. Tổng diện tích: 11 ha.	3.300	2.970	PPP

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Tổng số mức đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	Hình thức đầu tư
40	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực Thuận An, Thừa Thiên Huế	2016-2017	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Thuận An, Thừa Thiên Huế	Xây dựng 6 điểm neo cho tàu có trọng tải 3.000 DWT. Tổng diện tích: 120 ha.	36.000	32.400	PPP
41	Đầu tư xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực Lạch Huyện, Hải Phòng	2017-2018	Đảm bảo cho tàu thuyền tránh trú bão nhanh chóng, kịp thời; đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.	Lạch Huyện, Hải Phòng	Xây dựng 14 điểm neo cho tàu có trọng tải 100.000 DWT. Tổng diện tích: 400 ha.	120.000	108.000	PPP

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DỰ KIẾN BAN HÀNH
(Kèm theo Quyết định số 4938 /QĐ-BGTVT ngày 26 /12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì xây dựng	Cơ quan chủ trì trình và cơ quan phối hợp	Tiến độ
1	Sửa đổi Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29/8/2013 của Bộ GTVT quy định về trình tự thủ tục thực hiện nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam	<u>Vụ KCHT GT</u> Ban PPP, Vụ Pháp chế, Vụ Tài chính	2015
2	Thông tư của Bộ Tài chính thay thế Quyết định số 98/2008/QĐ-BTC ngày 4/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam	<u>Vụ Tài chính</u> Ban PPP, Vụ Pháp chế	2015
3	Thông tư của Bộ Tài chính thay thế Quyết định số 65/2006/QĐ-BTC ngày 14/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mức trích nộp phí bảo đảm hàng hải đối với luồng hàng hải do doanh nghiệp đầu tư, khai thác	Cục Hàng hải Việt Nam	<u>Vụ Tài chính</u> Ban PPP, Vụ Pháp chế	2015
4	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn trình tự, thủ tục, trách nhiệm các cơ quan liên quan và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Hợp đồng dự án mẫu cho các dự án PPP lĩnh vực kết cấu hạ tầng hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam	<u>Ban PPP</u> Vụ Pháp chế, Vụ Tài chính, Cục QLXD&CLCTGT	2015
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi trong lĩnh vực hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam	<u>Vụ Vận tải</u> Vụ Pháp chế, Vụ Tài chính	2015